



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

Số : 2236 / 2016/CV/VNL-ADM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
☸ * ☸

TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2016

"V/v Tài liệu họp

ĐHDCĐ thường niên năm 2016"

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Mã chứng khoán: VNL

Địa chỉ trụ sở chính: 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3825 5389 Fax : (08) 3940 5331

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Hoàng Thị Duy Thảo – Người được ủy quyền CBTT

Địa chỉ: 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: Cty (08) 3825 5389 Fax: (08) 3940 5331

Email : thuky@vinalinklogistics.com

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Công ty CP Logistics Vinalink công bố tài liệu họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

Tài liệu được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty www.vinalinklogistics.com, mục Cổ đông và Tin tức (Tin Vinalink) ngày 07/04/2016.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền CBTT



Hoàng Thị Duy Thảo



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. HCM
Website: www.vinalinklogistics.com - E-mail: headoffice@vinalinklogistics.com
Tel: (08) 3825 5389 - Fax: (08) 3940 5331

TÀI LIỆU

ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 17 NĂM 2016

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
2. Thẻ lệ biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016
3. Báo cáo của Ban Giám đốc tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2015 và phương hướng kế hoạch 2016
4. Báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2015
5. Báo cáo của Ban Kiểm soát
6. Báo cáo Kiểm toán
7. Bảng cân đối kế toán 2015
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2015
9. Tờ trình Sửa đổi Điều lệ Công ty
10. Tờ trình v/v Phân phối lợi nhuận năm 2015
11. Tờ trình v/v chọn Công ty kiểm toán 2016
12. Tờ trình v/v Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
13. Tờ trình về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài
14. Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 17 – NĂM 2016

(NGÀY 22/04/2016 TỪ 8:30 ĐẾN 11:30)



I. Thủ tục khai mạc:

1. Tuyên bố lý do – thành phần tham dự.
2. Báo cáo kiểm tra tư cách & tỷ lệ cổ đông tham dự.
3. Giới thiệu Ban kiểm tra thống kê kết quả biểu quyết
4. Thông qua Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội
5. Giới thiệu chủ tọa và thư ký Đại hội.

II. Nội dung:

1. Sửa đổi Điều lệ công ty
2. Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 và phương hướng kế hoạch năm 2016;
3. Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT.
4. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình, kết quả tài chính năm 2015.
5. Thảo luận và thông qua các báo cáo.
6. Thảo luận và thông qua các tờ trình về:
 - Phân phối lợi nhuận năm 2015.
 - Lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 .
 - Thù lao của HĐQT và BKS năm 2016.
 - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD công ty
 - Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư NN
7. Thông qua Biên bản Đại hội.

III. Bế mạc



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
☸☸☸

Số : /2016/CV/VNL-HĐQT

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016



THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 17
NĂM 2016

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014

Căn cứ Điều lệ Công ty.

Căn cứ Công văn 1183/UBCK-QLCB ngày 15/3/2016 của UBCKNN về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016.

4. Theo đề nghị của HĐQT Công ty.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 17 QUYẾT NGHỊ

Thông qua THẺ LỆ BIỂU QUYẾT tại ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 17 như sau:

1. Đại biểu có quyền biểu quyết: là đại biểu có đủ tư cách theo Điều lệ của công ty.
2. Quyền biểu quyết của đại biểu :
 - 2.1. Đại biểu có quyền biểu quyết tất cả các vấn đề được thông qua tại đại hội.
 - 2.2. Giá trị biểu quyết của đại biểu được tính theo số cổ phần mà đại biểu đó sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu đã được ghi và kiểm tra trên phiếu đăng ký tham dự đại hội so với tổng số cổ phần của các đại biểu có mặt tại đại hội sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.
 - 2.3. Những đại biểu đã đăng ký tham dự đại hội nếu vì lý do đột xuất không thể tham dự thì có thể ủy quyền lại cho người khác bằng văn bản muộn nhất sau giờ khai mạc đại hội 30 phút với số cổ phần sở hữu của người ủy quyền.
3. Hình thức biểu quyết tại đại hội :
 - 3.1. Biểu quyết công khai và trực tiếp bằng thẻ.
 - 3.2. Mỗi đại biểu được cấp trước 1 thẻ dùng để biểu quyết. Trên thẻ có ghi mã số đại biểu và số cổ phần mà đại biểu đó sở hữu và / hoặc đại diện sở hữu.
 - 3.3. Ban Tổ chức đại hội phân công người kiểm thẻ, tính số cổ phần biểu quyết, và công bố kết quả.
 - 3.4. Tỷ lệ biểu quyết là căn cứ để thông qua các vấn đề cụ thể theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, điều 144 – Điều kiện đề nghị quyết được thông qua. Theo đó các tờ trình được thông qua theo hình thức giơ thẻ biểu quyết phải đạt tỉ lệ ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Xử lý những vấn đề phát sinh: Khi có vấn đề phát sinh chủ tịch đoàn phải xem xét, thống nhất hình thức xử lý và quyết định ngay tại đại hội.
5. Thẻ lệ này được thông qua với số cổ phần biểu quyết đồng ý là, bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội và có hiệu lực từ ngay thời điểm được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số : / 2016/BC/VNL-HĐQT

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016



BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2015 & KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2016

A- TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG.

Kết quả kinh doanh năm 2015:

- Tổng Doanh thu: 740 tỷ VND / 110 % so với năm 2014 , bằng 115 % KH
- Lãi trước thuế: 38,35 tỷ VND / 69 % so với năm 2014, bằng 128 % KH
- Lãi sau thuế: 30.78 tỷ VND / 70.3 % so với năm 2014.
- Tỷ lệ lãi trước thuế /vốn điều lệ : 42,6% , tỷ lệ lãi sau thuế /vốn điều lệ 34,2%

Số liệu kết quả kinh doanh lãi trước và sau thuế giảm so với năm 2014 do trong năm 2014 phát sinh khoản lãi bất thường 30,36 tỷ đồng do chuyển nhượng cổ phần tại cty VNT; mặt khác tiền thuê đất tại 145-147 NTT do không được giảm 50% như năm trước nên chi phí kinh doanh tăng thêm 2,7 tỷ đồng.

I. Một số tình hình cơ bản:

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2015 có một số điểm nổi bật như sau:

1. Năm 2015 tình hình kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục khó khăn ... tác động làm cho thị trường giao nhận vận tải tiếp tục trầm lắng, nhiều mảng dịch vụ suy giảm. Các quy định mới của Nhà nước trong lĩnh vực vận tải, hải quan ..., tình hình biến động giá cả thị trường nhất là giá nhiên liệu có tác động nhiều chiều với hoạt động giao nhận vận tải, nhất là vận tải container bằng ô tô. Các dịch vụ VTQT giảm và mức lãi gộp trên đơn vị dịch vụ giảm nhanh. Từ năm 2015 công ty không còn được giảm 50% tiền thuê đất theo NQ của Chính phủ nên chi phí kinh doanh năm 2015 tăng thêm hơn 2,7 tỷ đồng so với năm trước về khoản tiền thuê đất .
2. Thực hiện phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2015 do ĐHĐCĐ thường niên thông qua, trong năm công ty đã tập trung củng cố và phát triển các dịch vụ chủ yếu truyền thống là airfreight và seafreight, duy trì ổn định các sản phẩm box hàng consol đường biển trong tình hình cạnh tranh gay gắt, kết hợp box xuất với box nhập trong quan hệ với đại lý. Tiếp tục tập trung phát triển thị trường khu vực Đông Á với nhiều đại lý và sản phẩm khách hàng mới có kết quả tích cực, phát triển các dịch vụ hàng quá cảnh và dịch vụ trực tiếp tại thị trường Campuchia, Lào; riêng với thị trường Campuchia sản lượng dịch vụ tăng nhanh (42%) với việc có thêm nhiều đại lý và khách hàng mới từ Campuchia, Việt Nam và một số nước ngoài khác. Trong nước công ty đã tập trung củng cố và đạt được kết quả tăng trưởng tốt khu vực Chi nhánh Hà Nội, các dịch vụ kho, xe vận tải ...đã được khai thác có hiệu quả với hầu hết công suất hiện có. Dịch vụ

Logistics, Hàng không tại TP.HCM, Chi nhánh Hà Nội, phát triển khá tốt về kết quả kinh doanh cũng như phạm vi dịch vụ và khách hàng. Hoạt động của Cty Vianlink Logistics Cambodia có kết quả tốt, mức tăng trưởng hơn 200 %.

3. Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm được tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ. Tiếp tục mở rộng đối tượng khoản thu nhập theo kế quả kinh doanh góp phần thúc đẩy hiệu quả công việc, ổn định đội ngũ nhân sự. Công tác đại lý được chú trọng. Việc tập trung nhân sự sales-marketing vào một mối quản lý triển khai công việc đã có kết quả tích cực, mang lại tính thống nhất, phối hợp và hiệu quả cao hơn.
Đã thành lập thêm các Văn phòng đại diện tại Cần Thơ, Cửa khẩu Hoa Lư (Bình Phước) phục vụ cho các hoạt động phát triển dịch vụ.
4. Kết quả kinh doanh năm 2015 so với năm trước của các công ty liên doanh với nước ngoài, các công ty cổ phần có vốn của công ty đều có kết quả kinh doanh ổn định, riêng các công ty LCM, Konoike có kết quả tăng trưởng tốt.

Một số hạn chế:

- + Nguồn khách hàng sử dụng dịch vụ chưa ổn định vững chắc, phần chủ động còn bị hạn chế - nhất là trong lĩnh vực dịch vụ vận tải quốc tế. Hệ thống đại lý chưa mạnh ở một số thị trường nên giá cả dịch vụ cao ảnh hưởng tới tính cạnh tranh, việc khai thác nguồn lực từ các đại lý còn hạn chế.
- + Về nhân sự, tổ chức và quản lý: việc tuyển dụng bổ sung mới có nhiều khó khăn, nhất là nguồn cho chức danh sales và cán bộ quản lý chủ chốt, chất lượng còn hạn chế, gặp khó khăn trong ổn định nhân sự.
- + Cơ sở vật chất: hệ thống phần mềm nghiệp vụ chưa đáp ứng được các yêu cầu dịch vụ mang tính chuyên nghiệp cao, thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ logistics – dịch vụ chuỗi cung ứng, dịch vụ chủ yếu của công ty trong tương lai. Phần lớn các phương tiện làm việc, vận chuyển đều đã cũ, chi phí sửa chữa bảo dưỡng cao, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ cũng như hình ảnh công ty.

II. Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ 16 (2015): kết quả thực hiện các nội dung chủ yếu của Nghị quyết như sau:

1. Về hoạt động kinh doanh: như báo cáo phần trên đã nêu. Đã thực hiện việc chi cổ tức năm 2015 là 1500 đồng /cổ phần.
2. Đã hoàn thành việc góp vốn và cùng với các đối tác tham gia chỉ đạo Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai) triển khai đầu tư theo kế hoạch. Dự án này hiện đã bắt đầu đưa vào khai thác một phần các dịch vụ như kho hàng, bãi và cân điện tử trên các hạng mục thành phần đã được hoàn thành và năm 2015 đã có lãi.
3. Tiếp tục hoàn thiện và sắp xếp lại tổ chức nhân sự, bộ máy kinh doanh, hình thành các Khối dịch vụ, tạo bộ máy chủ động và tập trung phát triển dịch vụ ở từng Khối, thống nhất quy trình kiểm soát chặt chẽ hơn quá trình thực hiện dịch vụ. Tổ chức hoạt động của 2 chi nhánh theo hướng chủ động và hiệu quả hơn đã mang lại kết quả tốt trong năm 2015.
4. Đã thoái 19% vốn đầu tư tại Công ty LD LCM (Vietnam) theo cam kết của Hợp đồng Liên doanh.
5. Một số khoản đầu tư và tạm ứng như : Dự án Kho bãi tại KCN Phú An Thạnh (Long An), Cái Mép chưa thực hiện được việc chuyển nhượng, hợp tác, thoái vốn, thu hồi do thị trường chưa thuận lợi, đất Nhơn Trạch đang thực hiện chuyển nhượng từng phần cho đối tác.

- Việc chuẩn bị đầu tư văn phòng , kho bãi mới thay thế cơ sở hiện tại vẫn đang xem xét tìm kiếm cơ hội phù hợp. Hiện tại trong vài năm tới nhu cầu này chưa thật cấp bách.
6. Chưa thực hiện việc đầu tư trang thiết bị vận tải do tính toán thị trường chưa khả thi.
 7. Chưa chuyển đổi mô hình chi nhánh Hà Nội thành công ty con do đánh giá thấy chưa phù hợp.
 8. Sửa đổi Điều lệ công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014 trình ĐHĐCĐ năm 2016 quyết định.

IV. Báo cáo hoạt động của HĐQT:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

HĐQT Công ty đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Trong năm 2015, ngoài các phiên họp chính thức, HĐQT đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2015 trong điều kiện tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, biến động phức tạp nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty: Tổng Giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Định hướng kinh doanh : khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức kinh doanh theo hướng chuyển các bộ phận có đủ điều kiện thành mô hình công ty con để nâng cao tính pháp lý và chủ động trong kinh doanh.

- Nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và văn phòng trong điều kiện mới cho phù hợp thực tế.

4. Nội dung cụ thể về tình hình quản trị Công ty :

Được thông tin chi tiết trong Báo cáo quản trị năm 2015 (đã CBTT và đăng trên website Công ty ngày 15/01/2016).

B/ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU NĂM 2016

Về kinh doanh và đầu tư:

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2016 dự kiến sẽ ổn định hơn song vẫn còn có nhiều khó khăn, các khoản chi phí đầu vào tiếp tục không ổn định theo xu hướng tăng; một số khoản chi phí cho người lao động tăng (thu nhập theo lạm phát, tỷ lệ đóng BHXH, BHYT, BH thất nghiệp ...) nhất là khoản đóng BHXH, BHYT và BHTN theo mặt bằng lương mới làm cho phí phí tăng thêm 3,5 tỷ, khó khăn từ tình hình kinh tế thế giới ... sẽ tiếp tục là những bài toán khó cho các nhà kinh doanh – sản xuất. Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.

Trong bối cảnh chung như vậy mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu của năm 2016 là: Phân đấu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động, thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ khai thác các nguồn thu có thể, cố gắng đảm bảo kết quả kinh doanh trực tiếp (bao gồm cả thu từ sử dụng vốn ngắn hạn) có mức tăng 7% -10% so với năm 2015; ổn định các mảng Hàng không, hàng nhập, hàng xuất đường biển, tập trung phát triển dịch vụ Logistics (kể cả dịch vụ nội địa và tại thị trường Campuchia, Lào); chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối, chi nhánh; tìm kiếm và phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa kinh doanh bảo đảm nguồn thu ổn định.

Chỉ tiêu chủ yếu :

- Tổng Doanh thu :	740 tỷ VND
- Lãi trước thuế :	38 tỷ VND
- Cổ tức :	1.500 đồng/cổ phần

Một số biện pháp chung:

- + Công tác tập trung ổn định sản phẩm dịch vụ, phát triển hệ thống đại lý và tăng cường hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm của năm 2016. Trong đó, tập trung triển khai các biện pháp để ổn định và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ; tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý và giải quyết tình hình công nợ tồn đọng; tiếp tục hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức kinh doanh của các dịch vụ tại TP.HCM, triển khai mở rộng các dịch vụ của Vinalink ở nước ngoài; rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ. Về mặt kinh doanh tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án đầu tư xây dựng, dịch vụ với thị trường Campuchia; dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cơ chế chi trả lương, thưởng ... gắn với kết quả kinh doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện tác đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên.
- + Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ khách hàng và đối tác; tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới.
- + Phát triển mạng lưới thông qua mở thêm văn phòng tại các khu vực trọng điểm còn thiếu đại diện (miền Trung).
- + Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.

- + Chuẩn bị Văn phòng công ty, văn phòng Chi nhánh Hà nội mới thay thế cho văn phòng hiện tại theo hướng có thể đầu tư trực tiếp (mua, xây dựng) hoặc thuê trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế và sử dụng vốn.
- + Tiếp tục tìm kiếm đối tác để hợp tác khai thác hoặc chuyển nhượng nếu điều kiện thuận lợi đối với các diện tích đất tại KCN Phú An Thạnh (Long An), Nhơn Trạch (Đồng Nai).
- + Đầu tư mua sắm thay thế 5 xe vận tải, 10 romooc , 1 xe 4-7 chỗ thay thế cho số thanh lý và bổ sung phương tiện vận tải, giá trị đầu tư 10 tỷ đồng.
- + Chủ động khai thác tạo nguồn thu từ việc sử dụng vốn ngắn hạn. Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
- + Giao cho HĐQT quyết định việc thoái vốn tại các công ty đã đầu tư khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- + Giao cho HĐQT trên cơ sở cân đối vốn hợp lý quyết định việc mua lại không quá 10% cổ phiếu của công ty để làm cổ phiếu quỹ nhằm đảm bảo ổn định giá cổ phiếu , tạo nguồn cổ phiếu làm cơ sở hợp tác với cổ đông chiến lược và thực hiện chính sách nhân sự (khi có nhu cầu).
- + Thay đổi phương thức khuyến khích CBNV thông qua việc trích lập Quỹ Khen thưởng – Phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế sang việc quyết định mức chi cho việc khuyến khích hoàn thành tốt công việc hàng năm gắn với kết quả kinh doanh không quá 4% chênh lệch thu-chi chưa lương (không bao gồm thu từ lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết) tính vào chi phí kinh doanh, giao cho HĐQT và Tổng Giám đốc quyết định tiêu chí và mức chi cụ thể theo thẩm quyền.
- + Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác cùng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- + Tiếp tục hoàn thiện tiếp việc xây dựng hệ thống nhận diện và thương hiệu công ty .

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Nam Tiến



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT 2015

Căn cứ Luật doanh nghiệp của nước CHXHCN Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink;

Nghị quyết ĐHĐCĐ lần 16 năm 2015;

Ban Kiểm Soát Công Ty Cổ Phần Logistics Vinalink trân trọng báo cáo Đại hội Đồng Cổ Đông kết quả kiểm tra, giám sát năm 2015 như sau:

I. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã thực hiện báo cáo kiểm soát theo đúng quy định của Điều lệ Công Ty, đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản trị trong các kỳ họp định kỳ.

- Thẩm định báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2015, BCTC năm 2015.

- Trường ban tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT.

II. Công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính :

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015, được lập bởi Tổng Giám Đốc và được Công Ty TNHH Kiểm toán D.T.L thực hiện kiểm toán. Kết quả kiểm toán như sau:

1. Báo cáo tài chính (BCTC):

- Các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác. Các báo cáo tài chính cũng được công bố tới các cổ đông một cách kịp thời theo các quy định hiện hành đối với công ty niêm yết.

- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink, báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia) và tổng hợp quyền lợi trong các công ty liên doanh, liên kết. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Mục đích báo cáo tài chính hợp nhất giúp nhà đầu tư đánh giá cơ hội tài chính và rủi ro tiềm tàng của Công ty mẹ.

- Tổ chức hạch toán kế toán: Công ty đã thực hiện việc hạch toán và mở sổ sách kế toán phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt nam hiện hành.

- Trong năm 2015, Công ty đã đạt các chỉ tiêu kinh tế như sau :

STT	Khoản mục (Đvt : triệu đồng)	2015	2014	Tăng/giảm		Tỷ trọng /Tổng TS, NV
				Giá trị	Tỷ lệ	
A	TÀI SẢN	311,979	292,117	19,862	6.8%	
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	247,045	229,545	17,500	7.6%	79.2%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	127,632	135,636	(8,004)	-5.9%	40.9%
	Tiền	55,498	28,583	26,915	94.2%	
	Các khoản tương đương tiền	72,134	107,053	(34,919)	-32.6%	
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	119,401	93,778	25,623	27.3%	38.3%
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	116,060	88,123	27,937	31.7%	
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	946	2,327	(1,381)	-59.3%	
	Phải thu về cho vay ngắn hạn	900	900	-	0.0%	
	Phải thu ngắn hạn khác	3,610	4,782	(1,172)	-24.5%	
	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2,115)	(2,353)	238	-10.1%	
3	Tài sản ngắn hạn khác	13	130	(117)	-90.0%	
	Chi phí trả trước ngắn hạn	13	130	(117)	-90.0%	
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	64,934	62,573	2,361	3.8%	20.8%
1	Các khoản phải thu dài hạn	16,451	15,815	636	4.0%	5.3%
	Trả trước cho người bán dài hạn	7,973	7,973	-	0.0%	
	Phải thu dài hạn khác	8,477	7,842	635	8.1%	
2	Tài sản cố định	9,972	8,904	1,068	12.0%	3.2%

	Tài sản cố định hữu hình	9,972	8,904	1,068	12.0%	
	- Nguyên giá	34,340	31,124	3,216	10.3%	
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(24,368)	(22,219)	(2,149)	9.7%	
3	Đầu tư tài chính dài hạn	38,512	37,733	779	2.1%	12.3%
	Đầu tư vào công ty con	527	527	-	0.0%	
	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	37,259	36,480	779	2.1%	
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	726	726	-	0.0%	
4	Tài sản dài hạn khác	-	120	(120)	-100.0%	
B	NGUỒN VỐN	311,979	292,117	19,862	6.8%	
I	NỢ PHẢI TRẢ	147,684	133,657	14,027	10.5%	47.3%
1	Nợ ngắn hạn	80,737	64,618	16,119	24.9%	25.9%
	Phải trả người bán ngắn hạn	32,883	28,518	4,365	15.3%	
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13,759	14,290	(531)	-3.7%	
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10,645	10,113	532	5.3%	
	Phải trả người lao động	11,586	7,300	4,286	58.7%	
	Chi phí phải trả ngắn hạn	4,308	1,343	2,965	220.8%	
	Phải trả ngắn hạn khác	4,137	1,416	2,721	192.2%	
	Quỹ khen thưởng phúc lợi	3,418	1,638	1,780	108.7%	
2	Nợ dài hạn	66,947	69,038	(2,091)	-3.0%	21.5%
	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	34,000	36,000	(2,000)	-5.6%	
	Phải trả dài hạn khác	32,947	33,038	(91)	-0.3%	
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	164,295	158,461	5,834	3.7%	52.7%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	90,000	90,000	-	0.0%	28.8%
	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết	90,000	90,000	-	0.0%	
2	Thặng dư vốn cổ phần	4,950	4,950	-	0.0%	1.6%
3	Vốn khác của chủ sở hữu	7,000	6,000	1,000	16.7%	2.2%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	62,345	57,511	4,834	8.4%	20.0%
	LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	37,861	36,768	1,093	3.0%	
	LNST chưa PP năm nay	24,484	20,742	3,742	18.0%	

Với số liệu trên, Ban kiểm soát lưu ý một số điểm nổi bật trong năm như sau :

- Công nợ phải thu khách hàng tăng 27.9 tỷ đồng, tương ứng tăng 31.7% so với năm 2014, trong đó công nợ phải thu khách hàng của chi nhánh Hà Nội là 50.1 tỷ đồng, chiếm 43.2% tổng công nợ phải thu. Tổng công nợ quá hạn trên 6 tháng là 4.6 tỷ đồng, trong đó đã trích lập dự phòng 2.11 tỷ đồng.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tăng 779 tr đồng do trong năm công ty đã tiến hành thoái 19% vốn đầu tư tại công ty LD LCM (Việt Nam), tương ứng 1.22 tỷ đồng và thu về 486 tr đồng tiền lãi từ chuyên nhượng vốn. Công ty đã góp vốn vào công ty CP vận chuyển Vinalink 2 tỷ đồng.
- Khoản trả trước người bán dài hạn là khoản ứng trước cho KCN Phú An Thạnh - Long An để đặt cọc thuê đất tại KCN Bắc An Thạnh, Bến Lức, Long An, số tiền 4.88 tỷ đồng và khoản ứng trước cho Cty Hiệp Phước Khánh để thực hiện dịch vụ chuyên nhượng quyền sử dụng đất tại Xã Phước Hòa, Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu, số tiền 3.09 tỷ đồng.
- Phải thu dài hạn khác là khoản đầu tư vào khu đất ở Nhơn Trạch, Đồng Nai 7.55 tỷ đồng và các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn 919 tr đồng.
- Trong năm, Công ty đã ghi nhận 2 tỷ đồng vào doanh thu thực hiện từ khoản doanh thu nhận trước 36 tỷ đồng do Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và chuyển đổi công năng sử dụng khu 145-147 Nguyễn Tất Thành mang lại.
- **Đầu tư mua sắm tài sản cố định:** để phục vụ nhu cầu kinh doanh, trong năm công ty đã đầu tư mua sắm các phương tiện vận tải, somi – romooc, vỏ cont với trị giá 4.1 tỷ đồng.

2. Kết quả kinh doanh của riêng Công ty mẹ (Theo BCTC của Công ty mẹ)

	CHỈ TIÊU (Đvt : triệu đồng)	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	740,451	666,796	73,655	11.0%
2	Giá vốn hàng bán	708,787	639,261	69,526	10.9%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31,664	27,535	4,129	15.0%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	27,103	46,752	(19,649)	-42.0%

5	Chi phí tài chính	8,397	7,462	935	12.5%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,044	11,392	652	5.7%
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	38,326	55,433	(17,107)	-30.9%
8	Thu nhập khác	188	397	(209)	-52.6%
9	Chi phí khác	164	312	(148)	-47.4%
10	Lợi nhuận khác	24	85	(61)	-71.8%
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38,350	55,518	(17,168)	-30.9%
12	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7,566	11,709	(4,143)	-35.4%
13	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30,784	43,809	(13,025)	-29.7%

- Căn cứ vào số liệu trên, doanh thu tăng 73.6 tỷ đồng tương ứng tăng 11% so với năm 2014, cùng với các giải pháp tăng doanh thu, công ty cũng đã thực hiện tiết giảm chi phí nhờ đó lợi nhuận gộp tăng 4.1 tỷ đồng, tương ứng tăng 15%.
- Doanh thu tài chính giảm do trong năm 2014 phát sinh khoản lãi bất thường 30.36 tỷ đồng từ việc thoái vốn tại VNT Logistics.
- Trong năm 2015, các khoản cổ tức lợi nhuận được chia tăng 5.2 tỷ đồng, đây là khoản bất thường do công ty LD LCM (Việt Nam) chia lợi nhuận tích dồn trước khi thực hiện việc chuyển nhượng vốn; lãi tiền gửi tăng 4.2 tỷ đồng.
- Chi phí tài chính là các khoản chênh lệch tỷ giá.

3. Kết quả giám sát từ các hoạt động đầu tư tài chính vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất :

	CHỈ TIÊU (Đvt : triệu đồng)	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	747,268	668,371	78,897	11.8%
2	Giá vốn hàng bán	712,664	639,160	73,504	11.5%
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34,604	29,210	5,394	18.5%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	16,629	8,295	8,334	100.5%
5	Chi phí tài chính	8,397	7,462	935	12.5%
6	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	15,892	45,011	(29,119)	
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,430	13,214	1,216	9.2%
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44,299	61,840	(17,541)	-28.4%
9	Thu nhập khác	188	397	(209)	-52.6%
10	Chi phí khác	164	312	(148)	-47.4%
11	Lợi nhuận khác	24	85	(61)	-71.8%
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44,323	61,925	(17,602)	-28.4%
13	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7,566	11,709	(4,143)	-35.4%
14	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36,757	50,216	(13,459)	-26.8%

- Trong năm, công ty con tiếp tục hoạt động có hiệu quả cao, bên cạnh đóng góp và kết quả kinh doanh hợp nhất, còn giúp mảng kinh doanh logistics của công ty mẹ tăng cao.

- Năm 2015, các công ty liên doanh, liên kết hoạt động hiệu quả, kết quả kinh doanh ổn định, đặc biệt công ty LCM, Konoike có kết quả tăng trưởng tốt. Riêng công ty Kim Thành logistics bắt đầu có lãi.

3. Một số vấn đề khác:

- Do hết thời hạn được hưởng ưu đãi thuế nên trong năm công ty đã nộp bổ sung thuế TNDN của năm 2013 và 2014 là 1.56 tỷ đồng, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho năm 2015 là 22%.

- Trong năm cục thuế TP. HCM đã tiến hành thanh tra thuế năm 2014, theo kết quả thanh tra, Đoàn Thanh tra đã đưa vào kỳ khai thuế 2014 để xác định truy thu, phạt hành chính ...với số tiền 5.001.187.500đ do vi phạm hành chính liên quan đến việc ghi nhận doanh thu nhận trước liên quan đến Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh với công ty cổ phần Đường Khánh hội về việc hợp tác khai thác kinh doanh khu vực kho bãi ở 145-147 Nguyễn Tất Thành, quận 4 TP.HCM. Do dự án được tiến hành từng phần trong 2 năm, bắt đầu từ 01/01/2015, nên công ty chưa hạch toán phân bổ lợi nhuận trước thuế trong năm 2014. Hiện tại công ty đang tiến hành các thủ tục đề khiếu nại quyết định này.

- Công ty vẫn còn sử dụng tỷ giá hạch toán để hạch toán các nghiệp vụ có gốc ngoại tệ.

4. So sánh mức độ hoàn thành kế hoạch

Chỉ tiêu (đvt : tỷ đồng)	KH 2015	Thực hiện 2015	% TH/KH	Thực hiện 2014	Tỷ lệ % TH2015/TH2014
Doanh thu	640.00	740.00	116%	666.00	111%
Lợi nhuận trước thuế	30.00	38.35	128%	55.50	69%
Lợi nhuận sau thuế		30.78		43.80	70%

III. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý :

- Qua quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty. Trước những khó khăn chung của ngành vận tải, tình hình cạnh tranh gay gắt về nguồn nhân lực nhưng Công ty vẫn giữ vững và ổn định các nhân sự chủ chốt, vẫn hoạt động kinh doanh có lãi, đó là nhờ sự nỗ lực của Ban lãnh đạo & tập thể CBCNV trong công ty.

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hàng quý và thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để triển khai nghị quyết của đại hội cổ đông; thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công Ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp với chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

- HĐQT, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.

IV. Các đề xuất và kiến nghị

- Đề nghị công ty nghiên cứu và triển khai phần mềm kế toán mới kết nối dữ liệu nghiệp vụ, quản lý và dữ liệu kế toán, có tính tương thích cao, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý về mặt kinh doanh, hạch toán kế toán tài chính, rút ngắn thời gian báo cáo.

- Đề nghị công ty áp dụng tỷ giá thực tế để hạch toán các nghiệp vụ có gốc ngoại tệ.

- Thực hiện biện pháp đánh giá khả năng tài chính của khách hàng, đề nghị xây dựng quy chế ràng buộc về việc xác định hạn mức nợ cho khách hàng, theo dõi chặt chẽ tuổi nợ nhằm giảm thiểu rủi ro trong việc thu đòi công nợ.

- Đề nghị công ty thu đòi công nợ kịp thời, tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn, thực hiện các biện pháp để thu đòi các khoản công nợ khách hàng cá nhân còn tồn đọng, đặc biệt của CN Hà Nội.

- Đề nghị công ty có các phương án khai thác hợp lý các khu đất tại Nhơn Trạch – Đồng Nai, Tân Thành – Bà Rịa Vũng Tàu và Bến Lức – Long An

- Đề nghị định kỳ rà soát lại các khoản định mức chi phí làm hàng phù hợp với tình hình thực tế, nhằm tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

V. Kế hoạch hoạt động năm 2016

- Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ tổ chức hoạt động của Công Ty và tiếp tục thực hiện chương trình công tác đã ban hành, cụ thể:

- Giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Ban giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2016

- Thực hiện giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2016 của Công Ty.

Báo cáo này đã được tất cả các thành viên BKS nhất trí thông qua, kính trình Đại Hội đồng cổ đông.

Tp. HCM ngày 06 tháng 4 năm 2016

TM. BAN KIỂM SOÁT



VŨ THỊ BÌNH NGUYỄN



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.com.vn

Số: 16.132/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2016 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.


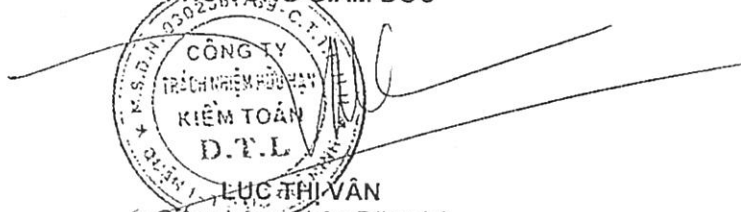
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
D.T.L

LỤC THỊ VÂN
Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



HUỲNH THỊ NGỌC TRINH
Giấy chứng nhận Đăng ký
hành nghề kiểm toán số 2124-2013-026-1

U.C
TY
ĐH
AN
L
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		247.045.155.498	229.544.683.062
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	127.631.714.113	135.636.204.327
1. Tiền	111		55.497.970.561	28.582.713.096
2. Các khoản tương đương tiền	112		72.133.743.552	107.053.491.231
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		119.400.561.431	93.778.451.432
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.2)	116.060.376.005	88.123.118.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		945.967.542	2.326.925.990
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		900.000.000	900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	3.609.641.568	4.781.885.323
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.115.423.684)	(2.353.478.231)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.879.954	130.027.303
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.879.954	130.027.303
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.934.260.272	62.572.606.524
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.450.685.234	15.815.252.287
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	(5.3)	7.973.352.207	7.973.352.207
2. Phải thu dài hạn khác	216	(5.5)	8.477.333.027	7.841.900.080
II. Tài sản cố định	220		9.971.504.236	8.904.451.598
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.7)	9.971.504.236	8.904.451.598
+ Nguyên giá	222		34.339.585.473	31.123.841.419
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.368.081.237)	(22.219.389.821)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.4)	38.512.070.802	37.733.010.802
1. Đầu tư vào công ty con	251		526.750.000	526.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		37.259.170.802	36.480.110.802
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260			119.891.837
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			119.891.837
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		311.979.415.770	292.117.289.586

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		147.683.938.437	133.656.548.482
I. Nợ ngắn hạn	310		80.737.071.437	64.618.405.482
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.8)	32.883.235.800	28.517.743.827
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	(5.9)	13.758.642.826	14.289.916.848
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.10)	10.645.443.462	10.112.670.673
4. Phải trả người lao động	314	(5.11)	11.586.354.846	7.300.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.12)	4.307.798.566	1.343.334.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.13)	4.137.154.510	1.416.398.507
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.14)	3.418.441.427	1.638.341.427
II. Nợ dài hạn	330		66.946.867.000	69.038.143.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	(5.15)	34.000.000.000	36.000.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	(5.13)	32.946.867.000	33.038.143.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		164.295.477.333	158.460.741.104
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.16.1)	164.295.477.333	158.460.741.104
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.000.000.000	6.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.345.477.333	57.510.741.104
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		37.861.041.291	36.768.407.779
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.484.436.042	20.742.333.325
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		311.979.415.770	292.117.289.586

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ THỊ THANH THANH

NGUYỄN ANH NAM

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

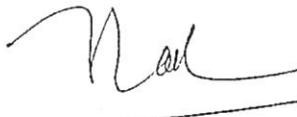
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		740.451.347.726	666.796.049.274
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	740.451.347.726	666.796.049.274
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	708.786.856.358	639.260.600.797
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.664.491.368	27.535.448.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	27.102.534.752	46.751.647.418
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	8.396.816.171	7.461.782.318
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	12.044.267.741	11.392.250.304
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.325.942.208	55.433.063.273
11. Thu nhập khác	31		187.727.272	396.818.182
12. Chi phí khác	32		163.601.069	311.503.201
13. Lợi nhuận khác	40		24.126.203	85.314.981
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.350.068.411	55.518.378.254
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	7.565.632.369	11.709.044.929
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.784.436.042	43.809.333.325

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

Q. KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ THỊ THANH THANH

NGUYỄN ANH NAM

NGUYỄN NAM TIẾN



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
☯*☯



Số 776/2016/CV/VNL-HĐQT

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH V PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2015

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ công ty.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
 - Căn cứ kết quả kinh doanh 2015 đã được kiểm toán

HDQT công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 17 quyết định phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 của công ty như sau :

Chỉ tiêu	SỐ LIỆU
1. Tổng Lợi nhuận trước thuế:	38.350.068.411
2. Thuế TNDN phải nộp:	7.565.632.369
3. Tổng Lợi nhuận sau thuế:	30.784.436.042
4. Phân phối lợi nhuận:	23.115.000.000
a. Chi cổ tức : 2.000 đ/ CP	18.000.000.000
b. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	3.500.000.000
c. Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung VĐL:	1.000.000.000
d. Trích lập Quỹ HDQT, BKS:	615.000.000
5. Lợi nhuận còn lại:	7.669.436.042

Trong đó : CLTG chưa thực hiện

Trình ĐHĐCĐ xem xét chấp thuận .

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
☯*☯

Số: /2016/CV/VNL-HĐQT

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016



TỜ TRÌNH V/N CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2016

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và căn cứ Điều lệ công ty.
2. Căn cứ Công văn 1183//UBCK-QLCB ngày 15/3/2016 của UBCKNN về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016.

Hội đồng Quản trị Công ty Vinalink kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty như sau :

Việc lựa chọn công ty kiểm toán của Vinalink phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- + Được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho cho các tổ chức phát hành, tổ chức Niêm yết và tổ chức kinh doanh Chứng khoán
- + Có danh tiếng và uy tín để tăng cường mức độ tín nhiệm và tin tưởng đối với người đọc báo cáo tài chính của VNL đặc biệt đối với các đối tác là tổ chức trong và ngoài nước
- + Hoàn thành báo cáo kiểm toán năm chậm nhất vào ngày 15/03 của năm tài chính tiếp theo và báo cáo soát xét trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc Quý 2 hàng năm.
- + Chi phí kiểm toán hợp lý

Kính trình ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 17 xem xét thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn tối đa hai công ty kiểm toán độc lập đáp ứng các yêu cầu trên thực hiện việc kiểm toán / soát xét Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty CP Logistics Vinalink theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
☸*☸

Số : /2016/CV/VNL-HĐQT

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016



TỜ TRÌNH

V/v Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

– Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 và căn cứ Điều lệ công ty.

HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ phê chuẩn việc Chủ tịch HĐQT công ty kiêm Tổng Giám đốc công ty như sau:

Sau khi được bầu ra tại ĐHĐCĐ lần thứ 15 năm 2014, HĐQT công ty đã quyết định bổ nhiệm ông NGUYỄN NAM TIẾN, chủ tịch HĐQT công ty kiêm giữ chức Tổng Giám đốc công ty. Trong những năm vừa qua trên cương vị Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc công ty ông Nguyễn Nam Tiến đã phát huy khả năng quản lý và kinh nghiệm tổ chức điều hành của mình lãnh đạo công ty hoàn thành tốt các nhiệm vụ kinh doanh và các mặt hoạt động khác; thực hiện tốt Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015; xây dựng công ty tiếp tục phát triển ổn định và có hiệu quả, có tín nhiệm cao, được Nhà nước và các Bộ ngành tặng nhiều phần thưởng cao quý, thương hiệu Vinalink ngày càng được khẳng định tốt trên thị trường.

Trên cơ sở đó HĐQT công ty đề nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn ông Nguyễn Nam Tiến chủ tịch HĐQT tiếp tục kiêm Tổng Giám đốc công ty cho tới kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên tiếp theo.

Kính trình ĐHĐCĐ phê chuẩn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
☸*☸

Số : /2016/CV/VNL-HĐQT TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016



TỜ TRÌNH VỀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014.
2. Căn cứ Công văn 1183//UBCK-QLCB ngày 15/3/2016 của UBCKNN về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016.
3. Căn cứ công văn số 9911/BCT-KH ngày 24/9/2015 của Bộ Công thương về lộ trình mở cửa thị trường dịch vụ logistics với nhà đầu tư nước ngoài .
4. Căn cứ điều 3 Điều lệ công ty về ngành nghề kinh doanh .

Hội đồng Quản trị công ty xác định và trình ĐHĐCĐ tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty là không quá 51%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

Số:/2016/NQ/VNL-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
☯ * ☯

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2015

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN LẦN THỨ 17 (NĂM 2016)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2014
- Điều lệ công ty Vinalink.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 17 ngày 22/04/2016.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Điều lệ công ty sửa đổi.

Điều 2 : Thông qua báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2015 và thông qua phương hướng, kế hoạch kinh doanh năm 2016 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Kết quả kinh doanh năm 2015:

- Tổng Doanh thu: 740 tỷ VND / 110 % so với năm 2014 ,bằng 115 % KH
- Lãi trước thuế: 38,35 tỷ VND / 69 % so với năm 2014, bằng 128 % KH
- Lãi sau thuế: 30.78 tỷ VND / 70.3 % so với năm 2014

Kế hoạch năm 2016

- Tổng Doanh thu: 740 tỷ VND
- Lãi trước thuế: 38 tỷ VND
- Cổ tức: 1.500 đồng/ cổ phần

Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị tính toán giao cụ thể kế hoạch kinh doanh chi tiết và xem xét điều chỉnh (nếu cần thiết) cho phù hợp với diễn biến tình hình thực tế.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2015 của Hội đồng Quản trị.

Điều 4 : Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả thẩm định báo cáo tài chính 2015 của công ty.

Điều 5: Thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau :

Chỉ tiêu	SỐ LIỆU
1. Tổng Lợi nhuận trước thuế:	38.350.068.411
2. Thuế TNDN phải nộp:	7.565.632.369
3. Tổng Lợi nhuận sau thuế:	30.784.436.042
4. Phân phối lợi nhuận:	23.115.000.000
b. Chi cổ tức : 2.000đ/CP	18.000.000.000
b. Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	3.500.000.000
c. Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung VDL:	1.000.000.000
d. Trích lập Quỹ HĐQT, BKS:	615.000.000
5. Lợi nhuận còn lại:	7.669.436.042

Điều 6 : Thông qua mức thù lao và quỹ HĐQT & BKS năm 2016 là 2% lợi nhuận sau thuế được phân phối. Trong đó mức thù lao cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 5 triệu đồng/ tháng
- Phó Chủ tịch HĐQT : 4 triệu đồng / tháng
- Ủy viên HĐQT : 3 triệu đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 3 triệu đồng/ tháng
- Ủy viên Ban Kiểm soát : 1 triệu đồng/ tháng

Điều 7 : Giao cho HĐQT công ty lựa chọn tối đa 2 công ty kiểm toán độc lập phù hợp cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính năm 2016 theo quy định của pháp luật.

Điều 8 : Thông qua tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty là không quá 51%

Điều 9: Thông qua việc Ông Nguyễn Nam Tiến Chủ tịch HĐQT công ty kiêm giữ chức Tổng Giám đốc Công ty.

Điều 10: Nghị quyết này đã được các cổ đông đại diện cho cổ phần (chiếm tỷ lệ % số đại diện cổ phần dự họp) biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên lần thứ 17 của Công ty CP Logistics Vinalink và có hiệu lực kể từ ngày 22/04/2016.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Chủ tọa



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
☸*☸

Số : /2016/CV/VNL-HĐQT TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2016



TỜ TRÌNH V/V SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY

1. Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014.
2. Căn cứ Điều lệ Công ty
3. Căn cứ Công văn 1183//UBCK-QLCB ngày 15/3/2016 của UBCKNN về tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016.

HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ thường niên lần thứ 17 quyết định thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty như chi tiết trong tài liệu đính kèm.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BẢNG TỔNG HỢP NỘI DUNG THAY ĐỔI
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
Chỉnh sửa lần 5 (22/4/2016) theo Nghị quyết ĐHCĐ lần thứ 17 (22/04/2016)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014

STT	Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Nội dung thay đổi	Cơ sở Pháp lý
1	Điều 2 – khoản 4. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Tổng Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty .	Điều 13 Luật DN Điều 152. Chủ tịch Hội đồng quản trị Điều 157. Giám đốc, Tổng giám đốc công ty
	Điều 2 – khoản 6.	6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 47 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Khoản 2 Điều 47, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần không giới hạn thời hạn hoạt động nên không cần gia hạn.
2	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty		Bổ sung : 1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty (danh mục đã đăng ký)	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 25. Điều lệ công ty
3	Điều 5 - khoản 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục ... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này	Bỏ nội dung này.	
4	Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông Mục m.	m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 135 – Đại hội đồng cổ đông Điểm d khoản 2.

	Mục n.	n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;	n. Công ty mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 135 – Đại hội đồng cổ đông Điểm g khoản 2.
	Mục p.	p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;	p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 162. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận
5	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền Khoản 2.c.	2.c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	Bổ sung nội dung 2.c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp. Văn bản uỷ quyền có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua fax, email.	
6	Điều 16. Thay đổi các quyền	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. * Bỏ đoạn chi tiết từ “Việc tổ chức họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.”	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 144. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

7	Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp ĐHĐCĐ	a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông;	a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn 15 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội cổ đông.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 137. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông
		3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm ngày (15 ngày) trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười ngày (10 ngày) trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 139. Mời họp Đại hội đồng cổ đông
8	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 141. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông
		2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 141. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

			<p>Bổ sung : 4.Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây :</p> <p>a/ Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>b/ Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.</p> <p>c/ Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến , bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>d/ Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Theo khoản 2 Điều 140</p> <p>Điều 140. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
9	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành :</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e) Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 144. Điều kiện để nghị quyết được thông qua</p> <p><i>Khoản 1, 2</i></p>

		<p>Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	
10	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải</p>	<p>Bổ sung khoản 2.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 145. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>

	<p>đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm ngày (15 ngày) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p>	<p>và đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười ngày (10 ngày) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật DN.</p>	
	<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>Bổ sung khoản 4.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a) Gửi thư : Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Khoản 4 Điều 145 Điều 145. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p>

		8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 <i>Khoản 4 điều 144</i> Điều 144. Điều kiện để nghị quyết được thông qua
11	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.	Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.	
12	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		Điều chỉnh Khoản 1 - 4 Bổ Khoản 5-10 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 149. Hội đồng quản trị

			<p>theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật này;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nêu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. <i>Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật này;</i></p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù</p>	
--	--	--	---	--

			<p>lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội</p>	
--	--	--	---	--

			<p>đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.</p>	
13	Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị	1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch.	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 149. Hội đồng quản trị Điều 135. Đại hội đồng cổ đông</p>
14	Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến.	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 153. Cuộc họp Hội đồng quản trị Khoản 6.</p>
		7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp.	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp.	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 153. Cuộc họp Hội đồng quản trị Khoản 6.</p>

		<p>14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>14. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>c) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.</p> <p>Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau.</p> <p>Trường hợp có sự khác nhau về nội dung</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 154. Biên bản họp Hội đồng quản trị</p>
--	--	--	---	---

			biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	
15	Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	đ. Vào ngày 25/12. hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	Bỏ mục đ.	
16	Điều 31. Thư ký Công ty	<p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp. 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Thay đổi như sau :</p> <p>Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty. 	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 152. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Khoản 5.</p>

17	Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát	Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.	Bổ sung tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên và Trưởng Ban Kiểm soát: <ul style="list-style-type: none"> - Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn. - Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. 	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 163. Ban kiểm soát
18	Điều 33. Ban kiểm soát	<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn</p>	<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</p> <p>b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>c). Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d). Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</p>	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 165. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

		<p>đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p>	<p>e). Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này.</p> <p>f). Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>g). Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>h). Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>i). Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của</p>	
--	--	--	--	--

			<p>công ty.</p> <p>j). Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>k). Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>l). Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
19	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Khoản 4</p>	<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị</p>	<p>4. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo;</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13</p> <p>Điều 162. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p>

		<p>lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.</p> <p>7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	
20	Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao	1. Tổng giám đốc điều hành phải thực hiện các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương , bảo	Điều 157. Giám đốc, Tổng giám đốc công ty

		<p>động thôi việc, lương , bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.</p> <p>2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý theo đúng quy định của Điều lệ công ty, quy chế nội bộ và quy định pháp luật hiện hành .</p> <p>2. Tổng giám đốc điều hành thực hiện các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	
21	Điều 39. Phân phối lợi nhuận	<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong vòng 6 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Điều 132. Trả cổ tức Khoản 4</p>
22	Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn 120 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh</p>	<p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính năm tổng hợp từ các chi nhánh, công ty con, công ty liên kết thì Công ty gửi đề nghị bằng văn bản đến Ủy ban Chứng</p>	<p><i>Thông tư 155/2015/TT--BTC ngày 06/10/2015 Hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</i></p>

			<p>khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm, nhưng tối đa không quá 100 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.</p>	
23	Điều 47. Chấm dứt hoạt động	<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p><i>Công ty hoạt động vô thời hạn (theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần).</i></p>
24	Điều 48. Gia hạn hoạt động	<p>Điều 48. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	Bỏ Điều 48	<p><i>Công ty hoạt động vô thời hạn (theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần).</i></p>

-----oOo-----